

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188 /2020/DS-ST
Ngày 24-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BÐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Ông Nguyễn Hữu Tố

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chánh Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 115/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 384/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số nhà 199 Ng Ng, phường Ng Ng, thị xã ĐP, tỉnh QN.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1971

Ông Võ Thành T, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Khu phố HT 2, phường HX, thị xã HN, tỉnh BÐ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị V: Bà Trương Thị Hoàng T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 199 Ng Ng, phường Ng Ng, thị xã ĐP, tỉnh QN. (Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020).

(Bà T1 có mặt; ông T, bà G vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị V và các lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Hoàng T1 trình bày:

Từ tháng 5/2016 đến tháng 01/2020 vợ chồng ông T bà G mua thức ăn nuôi tôm của bà V tính đến nay còn nợ 814.137.000đ. Thời gian qua bà V đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông T bà G vẫn không chịu trả. Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T bà G phải trả cho bà 814.137.000đ.

- Bị đơn vợ chồng ông Võ Thành T bà Nguyễn Thị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng ông T, bà G đều khai:

Vợ chồng làm nghề nuôi tôm, từ tháng 5/2016 đến tháng 01/2020 có mua thức ăn nuôi tôm của bà V, tính đến nay còn nợ 814.137.000đ. Do nuôi tôm bị dịch bệnh thua lỗ nên vợ chồng chưa có tiền trả nợ, số nợ này vợ chồng xin trả dần, làm ăn có đến đâu trả đến đó cho đến khi hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T bà G phải trả cho bà V 814.137.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông T bà G phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà V và vợ chồng ông T bà G là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T, bà G có địa chỉ tại khu phố HT 2, phường HX, thị xã HN, tỉnh HN. Do đó Tòa án nhân dân thị xã HN thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn vợ chồng ông T bà G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[1] Từ tháng 5/2016 đến tháng 01/2020 vợ chồng ông T bà G mua thức ăn nuôi tôm của bà V, tính đến nay còn nợ 814.137.000đ chưa trả. Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T bà G phải trả cho bà 814.137.000đ. Vợ chồng ông T bà G thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm của bà V hiện còn nợ 814.137.000đ chưa trả là do nuôi tôm bị dịch bệnh thua lỗ và có yêu cầu được trả nợ dần, làm ăn có đến đâu trả đến đó cho đến khi hết nợ, nhưng không được bên nguyên đơn đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V,

buộc vợ chồng ông T bà G phải trả cho bà V 814.137.000đ là có căn cứ và đúng theo quy định tại Điều 430, khoản 1 và 2 Điều 440 Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông T bà G phải chịu toàn bộ án phí là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, khoản 1 và 2 Điều 440 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bên nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Võ Thành T bà Nguyễn Thị G phải trả cho bà Huỳnh Thị V 814.137.000đ (Tám trăm mười bốn triệu một trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Võ Thành T bà Nguyễn Thị G phải chịu 36.424.110đ (Ba mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn một trăm mười đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị V 18.282.740đ (Mười tám triệu hai trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009752 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN (nay là thị xã HN).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được nhận hoặc được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường HX để Tòa án nhân dân tỉnh BĐ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã HN;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Vinh